|  |  |
| --- | --- |
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN****TỈNH TUYÊN QUANG**Số: 360/2022/QĐST-HNGĐ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***Hàm Yên, ngày 28 tháng 11 năm 2022* |

**}}}}}**

**QUYẾT ĐỊNH**

**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**

**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 373/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

* Chị Lê Thị T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn T 3, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

* Anh Tống Văn L, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 11 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 11 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T với anh Tống Văn L.

*(Giấy chứng nhận kết hôn số 87/2014 do Ủy ban nhân dân xã Thái Hòa, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 29/12/2014 cho chị Lê Thị T và anh Tống Văn L không còn giá trị pháp lý).*

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
	1. *Về con chung:* Chị Lê Thị T và anh Tống Văn L cùng xác định quá trình chung sống vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.
	2. *Về tài sản chung, đất đai chung:* Chị Lê Thị T và anh Tống Văn L cùng xác định, quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, đất đai chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.
	3. *Về công nợ chung*: Chị Lê Thị T và anh Tống Văn L cùng xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.
	4. *Về án phí*:

+ Chị Lê Thị T tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005861 ngày 18/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả lại cho chị Lê Thị T số tiền chênh lệch là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

+ Anh Tống Văn L không phải nộp tiền án phí.

1. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:**** Các đương sự;
* TAND tỉnh Tuyên Quang;
* VKSND huyện Hàm Yên;
* Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
* UBND xã T (Nơi ĐKKH);
* Lưu hồ sơ vụ án;
* Lưu TAND huyện Hàm Yên.
 | **THẨM PHÁN****Nguyễn Đức Tùng** |